PHỤ LỤC CHI TIẾT

Quyền sử dụng đất đối với 16 thửa đất ở thuộc dự án tạo quỹ đất cụm dân cư Tổ dân phố 3, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị)

(Kèm theo Quy chế cuộc đấu giá ban hành kèm theo Quyết định số 4160/QĐ-ĐGTS ngày 10/11/2026 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị)

Thứ tự	**Lô đất theo quy hoạch**	**Thửa đất số**	**Tờ bản đồ**	**Diện tích** (m^2)	**Giá khởi điểm** (đồng)	**Tiền đặt trước** (đồng)	**Tiền mua hồ sơ mời TGĐG** (đồng)	**Ghi chú**
1. Các lô đất từ A.01 đến A.06 giáp đường Tạ Quang Bửu								
1	A.01	218	49	205,9	2.050.764.000	300.000.000	200.000	2 mặt tiền
2	A.02	220	49	176,0	1.460.800.000	300.000.000	200.000	
3	A.03	222	49	176,0	1.460.800.000	300.000.000	200.000	
4	A.04	144	59	194,1	1.611.030.000	300.000.000	200.000	
5	A.05	146	59	213,1	1.768.730.000	300.000.000	200.000	
Cộng: 05 thửa đất				**965,1**	**8.352.124.000**			
2. Các lô đất từ A.08 đến A.12 giáp đường quy hoạch 15m (tuyến đường tương đương Tạ Quang Bửu)								
1	A.08	147	59	199,7	1.657.510.000	300.000.000	200.000	
2	A.09	145	59	223,7	1.856.710.000	300.000.000	200.000	
3	A.10	223	49	191,4	1.588.620.000	300.000.000	200.000	
4	A.11	221	49	175,6	1.457.480.000	300.000.000	200.000	
5	A.12	219	49	192,8	1.920.288.000	300.000.000	200.000	2 mặt tiền
Cộng: 05 thửa đất				**983,2**	**8.480.608.000**			
3. Các lô đất từ B.02 đến B.04 giáp đường quy hoạch 10,5m (Các tuyến đường còn lại thuộc các TDP tại phường Nam Lý cũ chưa có trong danh mục này và không có các tuyến đường tương đương đã được quy định (đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 10,5m trở lên))								
1	B.02	117	60	192,0	1.566.720.000	300.000.000	200.000	
2	B.03	119	60	192,0	1.566.720.000	300.000.000	200.000	
3	B.04	121	60	176,0	1.436.160.000	300.000.000	200.000	
Cộng: 03 thửa đất				**560,0**	**4.569.600.000**			

4. Các lô đất có ký hiệu từ B.05 đến B.07 giáp đường quy hoạch 7,5m (Các tuyến đường còn lại thuộc các TDP tại phường Nam Lý cũ chưa có trong danh mục này và không có các tuyến đường tương đương đã được quy định đường bê tông hoặc nhựa có mặt cắt ngang từ 6m đến nhỏ hơn 10,5m)								
1	B.05	122	60	215,1	1.613.250.000	300.000.000	200.000	
2	B.06	120	60	206,7	1.550.250.000	300.000.000	200.000	
3	B.07	118	60	198,3	1.487.250.000	300.000.000	200.000	
Cộng: 03 thửa đất				**620,1**	**4.650.750.000**			
Tổng cộng: 16 thửa đất				**3.128,4**	**26.053.082.000**			